

Số: 10/2026/TTLT-BCA-BQP-VKSNDTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Quy định về quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền
trong việc thực hiện một số quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo
trong thi hành án phạt tù**

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 136/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao liên tịch ban hành Thông tư liên tịch quy định về quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án phạt tù.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định về phối hợp giữa các cơ quan, người có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết và trách nhiệm của các cơ quan, người có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án phạt tù theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Điều 2. Sử dụng mẫu văn bản

Việc tiếp nhận, phân loại, thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án phạt tù được thực hiện theo mẫu ban hành của từng ngành.

Chương II

PHỐI HỢP TRONG VIỆC TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI, XỬ LÝ VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 3. Các quyết định, hành vi có thể bị khiếu nại

1. Quyết định có thể bị khiếu nại là các quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành án phạt tù được ban hành theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và quyết định quy định tại Chương IX của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

2. Hành vi có thể bị khiếu nại là hành vi trong hoạt động thi hành án phạt tù của Giám thị, Phó Giám thị và cán bộ, chiến sĩ thuộc trại giam, trại tạm giam, phân trại tạm giam thuộc trại tạm giam được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Chương IX của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Điều 4. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

1. Các quyết định, hành vi bị khiếu nại trong thi hành án phạt tù thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân gồm:

a) Quyết định đưa người chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án; quyết định điều chuyển người chấp hành án phạt tù giữa các cơ sở giam giữ phạm nhân;

b) Quyết định truy nã phạm nhân bỏ trốn;

c) Quyết định trích xuất phạm nhân, lệnh trích xuất phạm nhân;

d) Quyết định kiểm tra, thu giữ, xử lý đồ vật thuộc danh mục cấm; Quyết định tổ chức giam giữ phạm nhân theo loại; Quyết định xếp loại chấp hành án phạt tù; Quyết định công nhận phạm nhân vi phạm kỷ luật đã tiến bộ; Quyết định khen thưởng, kỷ luật phạm nhân, tập thể tổ, đội phạm nhân; Quyết định kỷ luật về việc vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân;

đ) Quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu;

e) Đề nghị trung cầu giám định pháp y tâm thần; đề nghị tạm đình chỉ, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh;

g) Các quyết định hành chính, hành vi hành chính của người có thẩm quyền của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu đối với cán bộ, chiến sĩ thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

h) Các quyết định khác được ban hành theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Luật Tư pháp người chưa thành niên và các hành vi hành chính không liên quan đến quản lý, giáo dục cải tạo phạm nhân.

2. Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với các quyết định, hành vi trái pháp luật trong quản lý, giáo dục cải tạo phạm nhân quy định

tại mục 1, mục 2 Chương II Luật Thi hành án hình sự và Chương IX Luật Tố tụng hình sự của người chưa thành niên và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại.

3. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong thi hành án phạt tù được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 Điều 158 và Điều 159 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 5. Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại

Viện kiểm sát kiểm sát việc giải quyết khiếu nại trong thi hành án phạt tù của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu theo quy định tại Điều 149 Luật Thi hành án hình sự. Đối với các khiếu nại đủ điều kiện thụ lý, khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại trong thi hành án phạt tù, Viện kiểm sát có quyền yêu cầu Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu thực hiện nhiệm vụ sau đây:

1. Ra văn bản giải quyết khiếu nại trong trường hợp đã hết thời hạn giải quyết khiếu nại nhưng chưa ban hành văn bản giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền và của cấp dưới trong trường hợp Viện kiểm sát có căn cứ xác định cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết có dấu hiệu vi phạm trong việc giải quyết khiếu nại.

3. Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết khiếu nại.

4. Trong thời hạn 07 ngày hoặc 15 ngày đối với trường hợp có lý do khách quan kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu thuộc trường hợp khoản 1 Điều này, 15 ngày hoặc 30 ngày đối với trường hợp có lý do khách quan kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu thuộc trường hợp khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan được yêu cầu thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát. Trường hợp có lý do khách quan cần kéo dài thời hạn thì cơ quan được yêu cầu có gửi văn bản thông báo lý do cho Viện kiểm sát.

Điều 6. Tiếp nhận, phân loại, xử lý khiếu nại

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết, người có thẩm quyền phải phân công đơn vị thuộc quyền kiểm tra về điều kiện thụ lý. Tùy từng trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý như sau:

a) Khiếu nại đủ điều kiện thụ lý thì phải thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật và thông báo việc thụ lý bằng văn bản đến người khiếu nại;

b) Khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do không thụ lý;

c) Khiếu nại chưa đủ thông tin, tài liệu về điều kiện thụ lý thì yêu cầu người khiếu nại bổ sung để thụ lý;

d) Khiếu nại có nhiều nội dung và thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan thì hướng dẫn cho người khiếu nại viết thành đơn riêng.

2. Khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết, tùy từng trường hợp cơ quan, người tiếp nhận khiếu nại xử lý như sau:

a) Khiếu nại quyết định, hành vi trong thi hành án phạt tù, quyết định giải quyết khiếu nại trong thi hành án phạt tù thì chuyển đơn đến cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn 03 ngày, đồng thời thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại;

b) Khiếu nại không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì hướng dẫn người khiếu nại gửi đến cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết, việc hướng dẫn chỉ thực hiện một lần. Trường hợp người khiếu nại gửi kèm giấy tờ, tài liệu là bản gốc thì phải trả lại giấy tờ, tài liệu đó cho người đã gửi đơn; nếu trả lại qua dịch vụ bưu chính thì phải gửi bảo đảm.

3. Trường hợp người khiếu nại trực tiếp đến khiếu nại và không thể tự viết đơn thì cơ quan, người tiếp nhận khiếu nại phải lập biên bản và gửi đến cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thụ lý và giải quyết khiếu nại

1. Đối với các khiếu nại thuộc thẩm quyền và đủ điều kiện thụ lý, trong thời hạn giải quyết khiếu nại, cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại (sau đây gọi chung là người giải quyết khiếu nại) phải thụ lý và thực hiện các thủ tục như sau:

a) Kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định, hành vi của người bị khiếu nại, quyết định giải quyết khiếu nại bị khiếu nại.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, nếu thấy đủ căn cứ giải quyết và không cần phải xác minh nội dung khiếu nại thì người giải quyết khiếu nại ra quyết định giải quyết khiếu nại ngay.

Trường hợp cần phải xác minh nội dung khiếu nại, người giải quyết khiếu nại tự mình xác minh hoặc phân công người tiến hành xác minh nội dung khiếu nại;

b) Trong quá trình xác minh, người được phân công giải quyết có thể đề nghị người khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ để làm rõ nội dung khiếu nại. Trường hợp kết quả xác minh nội dung khiếu nại và yêu cầu của người khiếu nại còn khác nhau, nếu thấy cần thiết thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại;

c) Khi thời hạn xác minh nội dung khiếu nại đã hết, nhưng nội dung xác minh chưa thực hiện xong thì người được phân công xác minh nội dung khiếu nại báo cáo người giải quyết khiếu nại xem xét, quyết định gia hạn thời hạn xác minh. Thời hạn gia hạn xác minh không vượt quá thời hạn giải quyết khiếu nại;

d) Trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra;

đ) Kết thúc việc xác minh, người được phân công xác minh phải có văn bản báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại và đề xuất hướng giải quyết;

e) Ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Trường hợp người khiếu nại rút khiếu nại thì ban hành quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại.

2. Việc giải quyết khiếu nại phải được lập hồ sơ. Hồ sơ giải quyết khiếu nại bao gồm: Đơn khiếu nại hoặc văn bản ghi nội dung khiếu nại; văn bản giải trình của người bị khiếu nại; tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp; biên bản kiểm tra, xác minh, kết luận, kết quả giám định (nếu có); biên bản làm việc, biên bản tổ chức đối thoại (nếu có); quyết định giải quyết khiếu nại; quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan. Hồ sơ giải quyết khiếu nại phải được đánh số bút lục theo thứ tự tài liệu và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu trong thi hành án phạt tù

1. Sau khi thụ lý khiếu nại, người giải quyết khiếu nại tiến hành xác minh, yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại; gặp cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại và ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực thi hành nếu trong thời hiệu khiếu nại mà người khiếu nại không khiếu nại tiếp.

Điều 9. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai trong thi hành án phạt tù

1. Trường hợp tiếp tục khiếu nại thì người khiếu nại phải gửi đơn kèm theo quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và các tài liệu có liên quan cho người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai; trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại có quyền yêu cầu người giải quyết khiếu nại lần đầu, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại; triệu tập người bị khiếu nại, người khiếu nại khi cần thiết; xác minh, tiến hành các biện pháp khác theo quy định của pháp luật để giải quyết khiếu nại. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi nhận được yêu cầu phải thực hiện đúng các yêu cầu đó.

3. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực thi hành ngay và không tiếp tục bị khiếu nại.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, người giải quyết khiếu nại

1. Cơ quan, người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận khiếu nại, ghi chép đầy đủ nội dung khiếu nại vào sổ thụ lý hoặc sổ theo dõi, giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật và gửi quyết định giải quyết khiếu nại hoặc quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại; báo cáo hoặc thông báo kết quả giải quyết khiếu nại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển đơn đến.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý (trong trường hợp thụ lý), ban hành quyết định giải quyết khiếu nại hoặc quyết định đình chỉ giải

quyết khiếu nại, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đã giải quyết khiếu nại phải gửi văn bản thông báo thụ lý, quyết định giải quyết khiếu nại hoặc quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại (nếu có) cho Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát.

Trường hợp Viện kiểm sát giải quyết khiếu nại, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý (trong trường hợp thụ lý), ban hành quyết định giải quyết khiếu nại hoặc quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại, Viện kiểm sát phải gửi văn bản thông báo thụ lý, quyết định giải quyết khiếu nại hoặc quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại (nếu có) cho Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu.

3. Cơ quan, cá nhân có quyết định, hành vi, quyết định giải quyết khiếu nại bị khiếu nại có trách nhiệm giải trình bằng văn bản, cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại theo yêu cầu của người giải quyết khiếu nại.

Việc giải trình, cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến khiếu nại, giải quyết khiếu nại được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu.

4. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết khiếu nại của mình.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG VIỆC TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI, THỤ LÝ VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO TRONG THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ

Điều 11. Thẩm quyền giải quyết tố cáo và kiểm sát việc giải quyết tố cáo

1. Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân có trách nhiệm giải quyết tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện trình tự, thủ tục ban hành các quyết định được quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch này và các hành vi vi phạm pháp luật khác không trong quản lý, giáo dục cải tạo phạm nhân.

2. Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý, giáo dục cải tạo phạm nhân của người được giao quản lý, giáo dục cải tạo phạm nhân và kiểm sát việc giải quyết tố cáo xảy ra trong hoạt động thi hành án phạt tù đối với các cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 12. Điều kiện thụ lý giải quyết tố cáo

Cơ quan, người có thẩm quyền thụ lý để giải quyết tố cáo khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Nội dung tố cáo là tố cáo trong thi hành án phạt tù; việc tố cáo được thực hiện bằng đơn hoặc được trình bày trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền:

a) Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; tên, địa chỉ của người tố cáo; tên, chức danh, chức vụ của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng bị tố cáo; nội dung, lý do tố cáo, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo và yêu cầu giải quyết của người tố cáo. Đơn tố cáo phải do người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ; nếu nhiều người cùng tố cáo về một nội dung thì trong đơn ghi rõ họ tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo.

b) Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì người tiếp nhận tố cáo hướng dẫn viết đơn hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản. Nếu nhiều người đến tố cáo trực tiếp về một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.

2. Tố cáo chưa được giải quyết hoặc đã được giải quyết nhưng có tình tiết mới có thể làm thay đổi nội dung quyết định giải quyết.

Trường hợp khiếu nại đã được giải quyết đúng pháp luật, nhưng người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nên đã tố cáo người giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho nội dung tố cáo.

3. Tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Điều 13. Tiếp nhận, phân loại, xử lý tố cáo

Khi nhận được tố cáo, cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận tố cáo xem xét, phân loại, xử lý như sau:

1. Đối với tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn 07 ngày kể từ khi tiếp nhận tố cáo, người có thẩm quyền phải tiến hành kiểm tra, xác minh về họ tên, địa chỉ của người tố cáo và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về tố cáo. Trường hợp người tố cáo trực tiếp đến tố cáo thì phải yêu cầu người tố cáo nêu rõ họ tên, địa chỉ, xuất trình giấy tờ tùy thân.

Tố cáo đủ điều kiện thụ lý thì cơ quan, người có thẩm quyền thụ lý để giải quyết, thông báo việc thụ lý bằng văn bản cho người tố cáo nếu có yêu cầu. Tố cáo không đủ điều kiện thụ lý thì thông báo bằng văn bản cho người tố cáo về việc không thụ lý giải quyết tố cáo.

2. Tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết thì trong thời hạn 03 ngày, cơ quan đã tiếp nhận phải chuyển đơn hoặc biên bản ghi nội dung tố cáo, các tài liệu, chứng cứ liên quan cho cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo nếu có yêu cầu.

3. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật ngoài hoạt động thi hành án phạt tù thì xử lý theo quy định của Luật Tố cáo và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Tiếp nhận, xử lý thông tin có nội dung tố cáo

1. Khi nhận được thông tin có nội dung tố cáo nhưng không rõ họ tên, địa chỉ của người tố cáo hoặc qua kiểm tra, xác minh không xác định được người tố cáo hoặc người tố cáo sử dụng họ tên của người khác để tố cáo thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không xử lý theo quy định của Thông tư liên tịch này.

2. Trường hợp thông tin có nội dung tố cáo quy định tại khoản 1 Điều này có nội dung rõ ràng về người có hành vi vi phạm pháp luật, có tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi vi phạm pháp luật, có cơ sở để thẩm tra, xác minh hoặc đang trong quá trình giải quyết tố cáo của vụ việc khác mà có liên quan thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận có trách nhiệm gửi đến Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu và sao gửi đến Viện kiểm sát có thẩm quyền. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để tiến hành kiểm tra.

Điều 15. Trình tự, thủ tục thụ lý và giải quyết tố cáo

1. Đối với tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết và đủ điều kiện thụ lý, trong thời hạn giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo thực hiện các thủ tục sau:

a) Ban hành quyết định xác minh nội dung tố cáo. Trường hợp người giải quyết tố cáo không trực tiếp tiến hành xác minh thì ra quyết định phân công người tiến hành xác minh nội dung tố cáo;

b) Làm việc với người tố cáo, yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ để làm rõ nội dung tố cáo. Trường hợp không làm việc trực tiếp với người tố cáo vì lý do khách quan thì có văn bản yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng để làm rõ nội dung tố cáo;

c) Làm việc với cơ quan, đơn vị người bị tố cáo để thông báo nội dung tố cáo, làm việc với người bị tố cáo, yêu cầu giải trình về những nội dung bị tố cáo và cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung bị tố cáo. Trong trường hợp giải trình của người bị tố cáo chưa rõ, thông tin, tài liệu, chứng cứ do người bị tố cáo cung cấp chưa đầy đủ thì yêu cầu người bị tố cáo tiếp tục giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ về các vấn đề còn chưa rõ;

d) Ban hành văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung tố cáo. Trong trường hợp cần thiết, người xác minh trực tiếp làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung tố cáo;

đ) Trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn kịp thời hành vi bị tố cáo gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, tính mạng, sức khỏe, tài sản của cá nhân;

e) Khi thời hạn xác minh nội dung tố cáo đã hết, nhưng nội dung xác minh chưa thực hiện xong thì người giải quyết tố cáo xem xét gia hạn thời hạn xác minh. Thời hạn gia hạn xác minh không vượt quá thời hạn giải quyết tố cáo;

g) Trong quá trình giải quyết, nếu người tố cáo rút toàn bộ nội dung tố cáo thì người có thẩm quyền xem xét, quyết định đình chỉ giải quyết tố cáo (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Tố cáo); nếu người tố cáo rút một phần nội dung tố cáo thì phần còn lại vẫn tiếp tục giải quyết;

h) Kết thúc xác minh, người được phân công xác minh phải có văn bản báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo và đề xuất hướng giải quyết;

i) Ban hành quyết định giải quyết tố cáo và phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định

2. Việc giải quyết tố cáo phải được lập hồ sơ. Hồ sơ giải quyết tố cáo bao gồm: Đơn tố cáo hoặc biên bản ghi nội dung tố cáo (nếu có); văn bản thông báo việc thụ lý tố cáo; quyết định phân công xác minh, kế hoạch xác minh nội dung tố cáo; văn bản giải trình về hành vi bị tố cáo; biên bản làm việc với người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông tin, tài liệu, chứng cứ đã thu thập được; kết quả giám định (nếu có); báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo; quyết định giải quyết tố cáo; các tài liệu khác có liên quan. Hồ sơ giải quyết tố cáo phải được đánh số bút lục theo thứ tự tài liệu và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

3. Việc tố cáo tiếp, giải quyết lại vụ việc tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong giải quyết tố cáo

1. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận đơn tố cáo, lập biên bản ghi nội dung tố cáo khi người tố cáo trực tiếp đến trình bày việc tố cáo (trường hợp cần thiết có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh); ghi chép đầy đủ nội dung tố cáo vào sổ thụ lý hoặc sổ theo dõi, giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật; thông báo việc thụ lý, gửi quyết định giải quyết tố cáo cho người tố cáo, người bị tố cáo; thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho cơ quan quản lý người bị tố cáo; báo cáo hoặc thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển đơn đến.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết tố cáo, cơ quan đã giải quyết tố cáo phải gửi quyết định giải quyết tố cáo cho Viện kiểm sát cùng cấp để tiến hành kiểm sát việc giải quyết tố cáo. Trong quá trình kiểm sát, Viện kiểm sát có thẩm quyền yêu cầu Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án hình sự cấp tỉnh, cấp quân khu thực hiện các biện pháp theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch này.

Trường hợp Viện kiểm sát giải quyết tố cáo, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý (trong trường hợp thụ lý), ban hành quyết định giải quyết

tố cáo hoặc quyết định đình chỉ giải quyết tố cáo, Viện kiểm sát phải gửi văn bản thông báo thụ lý, quyết định giải quyết tố cáo hoặc quyết định đình chỉ giải quyết tố cáo (nếu có) cho Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung tố cáo có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ, vật chứng (nếu có) và báo cáo bằng văn bản về nội dung liên quan đến hành vi bị tố cáo theo yêu cầu của người giải quyết tố cáo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

4. Người giải quyết tố cáo, người được phân công xác minh nội dung tố cáo phải giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo; kịp thời yêu cầu cơ quan chức năng bảo vệ người tố cáo trong trường hợp họ bị đe dọa, trả thù, trù dập.

5. Trong quá trình giải quyết tố cáo, nếu phát hiện thấy hành vi trong thi hành án phạt tù có vi phạm pháp luật thì người giải quyết tố cáo phải áp dụng biện pháp để ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cho đến khi có kết quả giải quyết tố cáo; nếu thấy có dấu hiệu tội phạm thì có văn bản chuyển hồ sơ tố cáo đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Trường hợp người bị tố cáo có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý. Nếu xác định tố cáo là sai sự thật thì phải khôi phục hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra; đồng thời, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.

Điều 17. Xử lý trường hợp đơn có nhiều nội dung

Trường hợp khi tiếp nhận đơn chứa thông tin vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo hoặc nội dung khiếu nại, nội dung tố cáo trong thi hành án phạt tù thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan thì trong thời hạn không quá 05 ngày, Viện kiểm sát, Trại giam, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp quân khu trao đổi, thống nhất phối hợp giải quyết như sau:

1. Trường hợp tách được nội dung khiếu nại và nội dung tố cáo thì tách phần thông tin, tài liệu có liên quan để gửi các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Trường hợp không tách được do đơn có nhiều nội dung mà có nội dung tố cáo về quản lý, giáo dục cải tạo phạm nhân vừa có nội dung liên quan đến công tác khác, công tác cán bộ, bí mật nhà nước của ngành Công an thì chuyển đến Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an để chỉ đạo xử lý và phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao để phối hợp giải quyết. Trường hợp đơn có liên quan đến công tác quân sự, công tác cán bộ hoặc bí mật nhà nước của Bộ Quốc phòng thì chuyển đến Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng để phối hợp với Viện kiểm sát quân sự trung ương giải quyết.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư liên tịch này trong ngành mình.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc cần hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thông báo cho Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để kịp thời hướng dẫn, giải quyết. *kt*

KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT
NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Trần Hải Quân

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỦ TRƯỞNG



Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỦ TRƯỞNG



Thượng tướng Lê Văn Tuyên

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Nội chính trung ương;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Công thông tin điện tử của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Công báo;
- Lưu: VT (BCA, BQP, VKSNDTC).

